

Bản án số: 25/2019/DS-ST

Ngày: 17 - 6 - 2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Trọng Mạnh

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Thế Anh, kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2018/TLST-DS, ngày 02 tháng 04 năm 2018, về việc “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 23/QĐ-ST, ngày 17/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Cao Văn V, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Trương Minh C, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 74/12 đường D, phường H1, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

3. Người làm chứng: Ông Trần Văn T2, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 285 tổ 12, ấp Đ, xã T1, huyện T, tỉnh Kiên Giang. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Cao Văn V trình bày:**

Do chỗ quen biết nên vào ngày 19/11/2015 ông Trương Minh C có mua đàn vịt

700 con nhưng thiếu tiền nên có nhờ tôi hỏi vay dùm ông C 20.000.000 đồng, tiền lãi đóng hằng ngày với 1.000.000 đồng tiền gốc bằng 5.000 đồng tiền lãi, khi vay ông C hứa 03 đến 05 ngày sau sẽ trả, đến thời hạn trả nhưng ông C không thực hiện việc trả nợ mặc dù tôi có đòi nhiều lần nhưng ông C chỉ hứa cho qua. Từ khi vay đến nay ông C chưa đóng lãi cũng như trả số tiền gốc để tôi trả cho người tôi mượn nợ dùm cho ông C. Đến ngày 01/8/2016, ông C có làm đơn yêu cầu Công an huyện Châu Thành giải quyết vụ việc Cao Văn B có hành vi chiếm đoạt tài sản của ông C, trong đơn ông C cũng thừa nhận có nợ tôi số tiền 20.000.000 đồng.

Nay tôi yêu cầu ông C trả cho tôi số tiền còn nợ gốc 20.000.000 đồng và lãi theo thỏa thuận từ ngày 19/11/2015 đến ngày 08/5/2017 tiền lãi ngày là 5.000.000 đồng và lãi tháng là 12.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 37.000.000 đồng, và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 8/5/2017 đến khi xét xử xong đối với số tiền 37.000.000 đồng.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trương Minh C trình bày:***

Tại biên bản hòa giải ngày 15/6/2018 ông Trương Minh C thừa nhận vào tháng 11/2015 có mượn của ông V số tiền 20.000.000 đồng và kêu ông V đưa cho B để đi mua vịt (vì giữa tôi và B có hùn mua vịt để bán kiếm tiền lời), nhưng khi mua vịt xong thì B bán vịt và lấy tiền hết không trả cho tôi nên tôi có làm đơn yêu cầu gửi Công an huyện Châu Thành giải quyết việc B lừa đảo và B thừa nhận có nợ tôi 360.000.000 đồng và ông V 20.000.000 đồng. Vì vậy, tôi không đồng ý theo yêu cầu trả nợ của ông C.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/9/2018 ông Trương Minh C trình bày: Ông C có mua đàn vịt của ông V 700 con với giá 62.000 đồng/con = 43.000.000 đồng, ông C có đưa tiền 45.000.000 đồng cho B để trả tiền vịt cho ông V (Không có biên nhận hay chứng cứ chứng minh) nhưng B có trả hay không thì tôi không biết, ông Mười Tho là người trực tiếp kiểm vịt từ ông V. Còn việc vay mượn tiền giữa ông V và B tôi không biết. Đối với đơn yêu cầu ngày 01/8/2016 ông C thừa nhận và xác nhận ông là người làm đơn và ký tên trong đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Cao Văn V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi theo thỏa thuận là 17.000.000 đồng.

Yêu cầu ông Trương Minh C trả số tiền vốn gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 19/11/2015 đến khi xét xử sơ thẩm.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Tuy

nhiên, chưa có quyết định phân công thẩm phán; thời gian đưa vụ án ra xét xử là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự, nguyên đơn thực đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên vi phạm quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Văn V, xử buộc ông Trương Minh C có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) và lãi suất theo yêu cầu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Cao Văn V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Minh C trả số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 19/11/2015 đến khi xét xử sơ thẩm, nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật cho bị đơn ông Trương Minh C, nhưng ông C cố tình vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Cao Văn V yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn ông C theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông C.

[3] Nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Cao Văn V cho rằng vào ngày 19/11/2015 ông Trương Minh C có mua vịt chạy đồng nhưng thiếu tiền nên có nhờ ông Cao Văn V vay dùm số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1.000.000 đồng = 5.000 đồng/ngày. Và ông C kêu ông V đưa tiền cho ông Trần Văn T2 (là người làm công cho ông C) để đi bắt vịt. Khi vay đến nay thì ông C chưa đóng lãi cũng như trả vốn gốc.

Tại biên bản hòa giải ngày 15/6/2018 ông C thừa nhận có vay của ông V số tiền 20.000.000 đồng và kêu ông C đưa tiền cho Cao Văn B để đi mua vịt và B thừa nhận có nợ ông V số tiền 20.000.000 đồng tại biên bản làm việc Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai của Công an Huyện Châu Thành do ông C cung cấp không thể hiện ông Cao Văn B có nợ ông V số tiền trên (BL từ 23 đến 26). Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/9/2018 ông C không đồng ý có vay tiền của ông V mà là do có mua 700 vịt của ông V với số tiền 43.000.000

đồng và ông C đã đưa tiền cho B để trả nhưng không có chứng cứ chứng minh. Xét về lời khai của ông Trương Minh C có sự không thống nhất và cũng không có chứng cứ chứng minh việc ông đưa tiền cho Cao Văn B trả cho ông Cao Văn V.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân năm 2015: "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự phản đối đó là có căn cứ và hợp pháp". Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đều không cung cấp được chứng cứ cho lời khai về việc có đưa tiền cho ông Cao Văn B trả cho ông V nên HĐXX không có căn cứ để B vệ quyền và lợi cho ông C. Mặt khác, tại đơn yêu cầu ngày 01/8/2016 thể hiện ông Trương Minh C có vay ông Cao Văn V số tiền 20.000.000 đồng; biên bản lấy lời khai của ông Trần Văn T2 xác nhận ông C có vay tiền của ông V và kêu ông V đưa tiền cho ông Tho để đi mua vịt và ông Trương Minh C cũng thừa nhận có vay tiền của ông Cao Văn V (Bút lục số 9a; 44; 52; 56). Từ những căn cứ trên, xét thấy việc ông Trương Minh C có vay tiền của ông Cao Văn V là có thật.

[3] Xét giao dịch dân sự giữa ông Cao Văn V và ông Trương Minh C, là dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, khi xác lập hợp đồng các đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, nên khi xảy ra tranh chấp, Tòa án áp dụng các quy định về hợp đồng vay tài sản được quy định từ Điều 471 đến Điều 478 Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết cho các đương sự.

[4] Xét yêu cầu của ông Cao Văn V yêu cầu ông Trương Minh C trả số tiền vay gốc 20.000.000 đồng (*Hai Mươi triệu đồng*). Bởi, khi các bên thực hiện giao dịch, ông V đã giao đủ tiền cho bên vay là ông C; nhưng bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận là vi phạm quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất xử buộc ông Trương Minh C có nghĩa vụ trả cho ông Cao Văn V số tiền gốc 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) là phù hợp.

[5] Về khoản tiền lãi: Tại phiên tòa ông Cao Văn V xin rút yêu cầu đối với số tiền lãi theo thỏa thuận là 17.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 19/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 17/6/2019. Đối chiếu Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 thì lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản cho ngân hàng nhà nước quy định và căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm; Do đó, lãi xuất được tính như sau:

$(20.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm}/12 \text{ tháng} \times 150\% \times 03 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 28 \text{ ngày}) = 9.660.000 \text{ đồng}$ (*Chín triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo thỏa thuận đối với bị đơn là 17.000.000 đồng (*Mười bảy triệu đồng*).

Từ cơ sở nhận định trên, căn cứ vào Điều 91 và 93 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ Luật dân sự 2005 quy định về hợp đồng vay và nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Văn V, buộc ông Trương Minh C phải trả số nợ vay gốc cho ông V là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) và nợ lãi theo quy định pháp luật: 9.660.000 đồng; Tổng cộng gốc và lãi: (20.000.000 đồng + 9.660.000 đồng) = 29.660.000 đồng (*Hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Sau khi xét xử nếu ông C có chứng cứ việc đưa tiền cho Cao Văn B trả cho ông V thì ông C có quyền khởi kiện Cao Văn B thành một vụ kiện dân sự khác.

[7] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông V được chấp nhận, nên ông C phải chịu án phí có giá ngạch như sau: 29.660.000 đồng x 5% = 1.483.000 đồng (*Một triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471; 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Văn V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Trương Minh C.

1. Buộc ông Trương Minh C có nghĩa vụ trả cho ông Cao Văn V số tiền vay gốc và tiền lãi là 29.660.000 đồng đồng (*Hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Minh C phải chịu án phí 1.483.000 đồng (*Một triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng*).

Ông V được hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003894 ngày 07/03/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

3. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành

án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 17/6/2019), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thùy Linh